

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4333 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Thí điểm hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu mía đường tỉnh Nghệ An nhằm thực hiện mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu mía đường giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai các giải pháp phát triển ngành mía đường Việt Nam trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 3871/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 29/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai các giải pháp phát triển ngành mía đường Việt Nam trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 18/4/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt Đề án phát triển mía đường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 3260/TB-BNN-VP ngày 25/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Thông báo ý kiến kết luận của Thứ trưởng Trần Thanh Nam

B

tại buổi làm việc với UBND tỉnh Nghệ An ngày 07/5/2022 về phát triển vùng nguyên liệu mía đường tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 01/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh nghệ An giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 4522/TTr-SNN ngày 12/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Thí điểm hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu mía đường tỉnh Nghệ An nhằm thực hiện mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu mía đường giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, gồm những nội dung chính như sau:

I. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm

- Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả trong sản xuất mía nguyên liệu cả về hình thức tổ chức, quản lý và hoạt động; chú trọng phát triển vùng mía nguyên liệu gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, áp dụng cơ giới hoá đồng bộ để phát triển sản xuất mía nguyên liệu tại các địa phương theo chuỗi giá trị thông qua mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới; đẩy mạnh phát triển thành viên thông qua thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ kinh tế cá thể, cá nhân và tổ chức tham gia vào hợp tác xã sản xuất mía.

- Xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và tiêu thụ phải đồng bộ với cơ chế chính sách, huy động được các nguồn lực của các thành phần kinh tế để phát triển vùng nguyên liệu mía hiệu quả, bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Mở rộng diện tích và tăng năng suất, hình thành vùng sản xuất mía nguyên liệu quy mô tập trung, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, tạo liên kết bền vững giữa các hợp tác xã, nông dân với các doanh nghiệp chế biến nhằm thúc đẩy nhanh, hiệu quả và bền vững chuỗi giá trị ngành hàng mía đường góp phần

đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực, đổi mới hoạt động của các hợp tác xã mía đường hiện có; đẩy mạnh việc thành lập mới các hợp tác xã sản xuất mía đường.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ gồm hệ thống giao thông, thủy lợi, máy móc, trang thiết bị phục vụ nhu cầu cho sản xuất mía nguyên liệu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển vùng nguyên liệu

- Đến năm 2025: Diện tích vùng mía nguyên liệu huyện Nghĩa Đàn có 7.900 ha, huyện Quỳnh Hợp có 5.700 ha, huyện Tân Kỳ có 5.000 ha; năng suất bình quân đạt 75 tấn/ha.

- Đến năm 2030: Cơ bản ổn định diện tích vùng mía nguyên liệu tại các huyện: Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳnh Hợp; thâm canh tăng năng suất mía nguyên liệu đạt trung bình khoảng 85-86 tấn/ha.

b) Về hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu

- Giai đoạn 2022 - 2025: Tập trung hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu mía huyện Nghĩa Đàn, trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung sau:

- + Tu sửa, nâng cấp, xây dựng đường giao thông vùng nguyên liệu mía tại các xã Nghĩa Phú và Nghĩa Mai, huyện Nghĩa Đàn.

- + Xây dựng đập dâng, trạm bơm và hệ thống kênh mương tưới cho mía nguyên liệu và sản xuất nông nghiệp trong vùng.

- + Thành lập mới các hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu với thành viên chủ yếu là các hộ nông dân sản xuất mía trên địa bàn.

- + Tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hoá trong các khâu sản xuất mía; giảm chi phí đầu vào, tăng thu nhập cho các thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác và người nông dân trên cùng một diện tích trồng mía.

- + Xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng mía đối với những xã có diện tích mía lớn. Xây dựng mô hình nhân giống mía 3 cấp.

- + Phân lớn các ruộng mía của nông dân tham gia sản xuất theo chuỗi liên kết trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn đều được quản lý qua hệ thống bản đồ đo GPS và được truy xuất nguồn gốc, theo dõi, cập nhật dữ liệu trong suốt quá trình từ khi trồng mía đến khi thu hoạch và thanh toán tiền cho người dân.

- + Các hộ nông dân tham gia sản xuất theo chuỗi liên kết trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn có cài đặt và sử dụng ứng dụng MyNaSu trên thiết bị di động thông minh.

- + Thành lập và tổ chức hoạt động có hiệu quả tổ khuyến nông cộng đồng. Cán bộ quản lý hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiệp vụ kế toán, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới,....

+ Xây dựng các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh.

+ Đầu tư xây dựng trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện.

- Giai đoạn 2026-2030: Mở rộng hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu mía đường tại các huyện Quỳnh Hợp, Tân Kỳ và các nội dung hỗ trợ tại huyện Nghĩa Đàn giai đoạn 2022-2025 chưa hoàn thành kế hoạch, cụ thể:

+ Tu sửa, nâng cấp, xây dựng đường giao thông vùng nguyên liệu mía ở các huyện Quỳnh Hợp và Tân Kỳ.

+ Xây dựng đập dâng và trạm bơm, hệ thống dẫn nước để phục vụ tưới cho vùng mía nguyên liệu tại huyện Tân Kỳ và sản xuất nông nghiệp trong vùng.

+ Thành lập mới các hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu trên địa bàn các huyện Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, cơ bản các hộ sản xuất mía đều tham gia hợp tác xã. Tiếp tục phát triển, nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm thông qua các hợp tác xã.

+ Xây dựng các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh.

+ Tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hoá trong các khâu sản xuất mía; giảm chi phí đầu vào, tăng thu nhập cho các thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác và người nông dân trên cùng một diện tích trồng mía.

+ Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng mía đối với những xã có diện tích mía lớn. Các xã có vùng nguyên liệu mía trên địa bàn các huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳnh Hợp đều có tổ khuyến nông cộng đồng.

+ Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số; tăng cường năng lực cho các hợp tác xã, tổ hợp tác để đẩy mạnh chuyển đổi số quản trị vùng nguyên liệu, cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

II. Nhiệm vụ

1. Đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng hỗ trợ Hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu mía

1.1. Tu sửa, nâng cấp, xây dựng hạ tầng giao thông vùng nguyên liệu

- Huyện Nghĩa Đàn: Đầu tư tu sửa, nâng cấp, xây dựng đường giao thông vùng nguyên liệu mía khoảng 25 km (Xã Nghĩa Mai khoảng 15 km và xã Nghĩa Phú khoảng 10 km; tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B).

- Huyện Tân Kỳ: Đầu tư tu sửa, nâng cấp, xây dựng đường giao thông vùng nguyên liệu mía khoảng 20 km (Xã Phú Sơn khoảng 10 km và xã Đồng Văn khoảng 10 km; tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B).

- Huyện Quỳnh Hợp: Đầu tư tu sửa, nâng cấp, xây dựng đường giao thông vùng nguyên liệu mía khoảng 20 km (Xã Văn Lợi khoảng 10 km và xã Hạ Sơn khoảng 10 km; tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B).

1.2. Xây dựng hệ thống thủy lợi

- Huyện Nghĩa Đàn: Xây dựng 01 đập dâng, trạm biến áp và trạm bơm công suất 500 m³/h tại Khe Ang, xã Nghĩa Mai; 06 km kênh mương dẫn nước để tưới cho vùng nguyên liệu khoảng hơn 400ha và phục vụ sản xuất nông nghiệp trong vùng.

- Huyện Tân Kỳ: Xây dựng đập dâng Thung Mòn tại xã Đồng Văn; 02 trạm bơm và đường ống dẫn nước, hệ thống kênh chính tại các xã Đồng Văn, Phú Sơn để tưới cho vùng mía nguyên liệu và phục vụ sản xuất nông nghiệp trong vùng.

1.3. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các hợp tác xã

- Huyện Nghĩa Đàn: Hỗ trợ xây dựng nhà kho chứa giống, phân bón phục vụ sản xuất,... cho 04 hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu.

- Các huyện Tân Kỳ, Quỳnh Hợp: Hỗ trợ xây dựng nhà kho chứa giống, phân bón phục vụ sản xuất,... cho 03 hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu.

2. Phát triển, củng cố, nâng cao năng lực cho các hợp tác xã và thành viên trồng mía nguyên liệu gắn với đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị

- Tổ chức khoảng 20 lớp tuyên truyền, tập huấn kiến thức về Luật Hợp tác xã, nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu. Tổ chức ít nhất 03 lớp đào tạo nghề giám đốc hợp tác xã.

- Thành lập mới ít nhất 28 hợp tác xã sản xuất mía tại các vùng nguyên liệu có quy mô lớn, làm đại diện cho nông dân ký kết các hợp đồng liên kết sản xuất với các nhà máy đường.

- Xây dựng ít nhất 05 Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh.

- Hỗ trợ mua sắm ít nhất 05 máy thu hoạch mía và 18 máy phun thuốc trừ sâu cho các hợp tác xã theo quy định tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025.

3. Khuyến nông và chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ cho các hợp tác xã, người dân trồng mía nguyên liệu tham gia liên kết

- Xây dựng ít nhất 18 mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, cơ giới hóa... để làm điểm tham quan, học tập và nhân rộng mô hình.

- Tổ chức khoảng 55 lớp tập huấn ngoài mô hình về tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng mía cho hợp tác xã, nông dân. Xây dựng ít nhất 18 tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã trồng mía.

- Xây dựng mô hình nhân giống mía 3 cấp (01 ha ruộng nhân giống mía cấp 1 và 05 ha ruộng nhân giống mía cấp 2,3).

- Đẩy mạnh việc đưa các giống mía mới có độ đường, năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu cao hơn vào sản xuất; thay thế cơ cấu giống mía bằng hệ thống ruộng nhân giống mía 3 cấp; đầu tư thâm canh để tăng năng suất, chất lượng mía.

4. Hỗ trợ chuyển đổi số vùng nguyên liệu mía đường gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo chuỗi; ứng dụng quy trình sản xuất điện tử

- Hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số trong quản lý vùng nguyên liệu cho các nhà máy đường.

- Đầu tư hệ thống máy móc, thiết bị,... cho ít nhất 20 hợp tác xã và thành viên phục vụ chuyển đổi số, kết nối với nhà máy trong quản lý vùng nguyên liệu.

- Tổ chức ít nhất 40 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ hợp tác xã, nông dân trong vùng nguyên liệu mía về kỹ năng quản lý, sử dụng các phần mềm, ứng dụng theo dõi, giám sát quá trình sản xuất của nông dân, cập nhật số liệu, dữ liệu lên hệ thống,....

5. Xây dựng trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện

Xây dựng 01 Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện tại huyện Nghĩa Đàn phục vụ thu mua, tiêu thụ mía đường và các sản phẩm từ đường, kết hợp quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng khác của vùng nhằm hỗ trợ huyện Nghĩa Đàn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 cũng như thực hiện thí điểm Đề án phát triển hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại gắn với các loại hình hạ tầng thương mại giai đoạn 2022 - 2030 của Chính phủ.

III. Giải pháp thực hiện

1. Quy hoạch và quản lý sử dụng đất

- Tổ chức rà soát bố trí quỹ đất nông nghiệp hợp lý, lâu dài để phát triển sản xuất mía nguyên liệu; duy trì, phát triển các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

- Hạn chế đến mức thấp nhất việc chuyển đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp, đặc biệt là đất chuyên trồng mía nguyên liệu ổn định nhiều năm.

- Có cơ chế chính sách hợp lý để khuyến khích nông dân chuyển đổi từ các cây trồng kém hiệu quả như keo, cây ăn quả,... sang trồng mía.

- Thực hiện tốt việc tham gia giám sát của nhân dân, các tổ chức chính trị, xã hội trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đổi mới hình thức quản lý đất đai đảm bảo sử dụng hiệu quả, bền vững; giao đất, cho thuê đất đối với các hợp tác xã, doanh nghiệp chủ yếu liên kết với nông dân để phát triển vùng nguyên liệu; việc giao đất cho doanh nghiệp phải đảm

bảo hiệu quả lâu dài, không để xảy ra tranh chấp, chồng lấn trong phương án vùng nguyên liệu.

2. Tổ chức sản xuất

- Tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức về kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; tập trung tuyên truyền, phổ biến nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, các nhân tố mới trong phát triển kinh tế hợp tác đến các hợp tác xã, tổ hợp tác, các thành viên và nhân dân trên địa bàn.

- Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, trọng tâm là đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp đủ mạnh, làm nòng cốt để thực hiện có hiệu quả liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm.

- Thực hiện tốt các dịch vụ đầu vào như cung ứng giống, làm đất, phân bón,.. ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất để giảm chi phí đầu vào, nâng cao thu nhập cho người dân trồng mía.

- Khuyến khích các công ty, nhà máy chế biến mía đường ký kết hợp đồng hợp tác với các hộ dân thông qua các hợp tác xã để tạo điều kiện cho các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, đối với các xã chưa có hợp tác xã thì ký hợp đồng liên kết thông qua tổ hợp tác và tiến tới thành lập hợp tác xã.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021- 2025 và Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030. Xây dựng các mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới hoạt động có hiệu quả theo Quyết định 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ để tuyên truyền, nhân rộng ra các địa bàn khác.

- Xây dựng các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh nhằm hỗ trợ các hợp tác xã, nông dân trong sản xuất mía nguyên liệu.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, đặc biệt là về kỹ năng quản lý, điều hành hoạt động hợp tác xã, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để hỗ trợ, tháo gỡ, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc thực hiện các liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân và mối quan hệ giữa các thành viên trong hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Quan tâm chỉ đạo rà soát, nắm bắt, theo dõi thường xuyên tình hình hoạt động, đánh giá, phân loại chính xác kết quả hoạt động của các hợp tác xã để có các giải pháp chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời; củng cố các hợp tác xã hoạt động yếu kém, trường hợp không thể củng cố được thì tiến hành giải thể để thành lập lại.

3. Khuyến nông và ứng dụng khoa học, công nghệ

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất giống mía và tạo giống cây sạch bệnh, tạo các giống mía mới có độ đường, năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu cao hơn; thay thế cơ cấu giống mía bằng hệ thống ruộng nhân giống mía 3 cấp. Trong đó các doanh nghiệp chế biến thực hiện nhân giống mía cấp 1 và giao các hợp tác xã thực hiện nhân giống mía cấp 2, cấp 3.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong kiểm tra, giám định bệnh hại cây trồng cũng như trong sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp (cải tạo đất, phân bón, xử lý sâu bệnh hại) và xử lý môi trường (vi sinh, tảo, thực vật, nấm...).

- Ứng dụng các kỹ thuật canh tác mới trong sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh áp dụng quy trình sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP; GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn tương đương). Áp dụng quy trình xen canh và luân canh bắt buộc đối với sản xuất mía nguyên liệu.

- Ứng dụng các công nghệ mới trong tưới tiêu: Tưới tự động, tưới phun sương tiết kiệm nước và nhân công, tưới thăm thấu...

- Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa các khâu trong sản xuất từ làm đất, trồng, chăm sóc, thu hoạch mía, tiến tới áp dụng cơ giới hoá đồng bộ trong sản xuất.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong quy trình sản xuất, quản lý lưu trữ dữ liệu, truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.

4. Đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng hỗ trợ hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu

- Đầu tư tu sửa, nâng cấp, xây dựng hệ thống giao thông nội đồng vùng nguyên liệu mía nhằm kết nối tốt hơn giữa các vùng nguyên liệu với hệ thống giao thông chính, giảm chi phí thu gom, vận chuyển cho nông dân.

- Đầu tư xây dựng các hệ thống thủy lợi phục vụ tưới, đặc biệt là trong mùa khô cho vùng nguyên liệu nhằm tăng năng suất, chất lượng mía nguyên liệu.

- Đầu tư xây dựng các trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện phục vụ thu mua, tiêu thụ mía đường và các sản phẩm từ đường, kết hợp quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng khác của vùng.

5. Cơ chế, chính sách

- Từ nay đến hết năm 2025, tập trung thực hiện tốt các chính sách Trung ương và tỉnh đã ban hành theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển

hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030... và các chính sách có liên quan.

- Năm 2025 đến năm 2030 rà soát, sửa đổi bổ sung các chính sách liên quan đến phát triển kinh tế hợp tác và chính sách phát triển vùng nguyên liệu; bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích các hộ nông dân tự nguyện hợp tác và cùng có lợi; tạo điều kiện cho các hợp tác xã, tổ hợp tác thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất để sản xuất, góp phần hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, đi kèm với đó là các chính sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất như giao thông, thủy lợi, điện, ... khuyến khích hoạt động hợp tác, liên kết ngang giữa các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp với nhau để tạo sự phát triển đồng bộ, bền vững.

- Ưu tiên cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện các chính sách được ban hành.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất mía nguyên liệu; lồng ghép các nội dung phát triển sản xuất mía nguyên liệu vào các chiến lược, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của tỉnh và địa phương.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu, ưu tiên hàng đầu là bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực, nhận thức về quản lý và tư duy kinh tế, thương mại, xây dựng các phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

6. Nguồn nhân lực

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chính sách phát triển sản xuất mía nguyên liệu, các mô hình sản xuất mía nguyên liệu hiệu quả, mang lại thu nhập cao và ổn định để khuyến khích, thu hút lao động trẻ tham gia sản xuất, nhất là lao động nữ.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng trong sản xuất mía nguyên liệu cho nông dân, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của lao động nông thôn.

7. Phân bổ, quản lý vùng nguyên liệu

Các nhà máy đường phải thực hiện nghiêm túc theo phương án phát triển vùng nguyên liệu của đơn vị và các hợp đồng liên kết đã ký với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân, tránh tình trạng tranh chấp vùng nguyên liệu và tranh mua tranh bán.

8. Thị trường tiêu thụ

- Xây dựng kênh phân phối toàn diện để tiết giảm khâu trung gian, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật công nghệ và nâng cao chất lượng quản lý sản xuất để hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm.

- Tăng cường hoạt động marketing, kiểm soát tốt hơn hiệu quả hoạt động của các kênh phân phối hiện có, thực hiện tốt trong công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, từng bước nghiên cứu mở rộng thị trường thế giới.

- Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ phục vụ công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, thị trường, marketing nhằm phát huy hiệu quả kinh doanh, hoàn thiện kênh phân phối.

9. Thông tin tuyên truyền, vận động nông dân

- Tổ chức tuyên truyền về nội dung Đề án đến mọi tổ chức, cá nhân có liên quan trong vùng thực hiện Đề án nhằm tạo sự đồng thuận, nhất quán trong triển khai thực hiện các nội dung của Đề án, đạt được các mục tiêu đề ra.

- Vận động nông dân thay đổi tư duy sản xuất, chuyển từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hoá vào sản xuất, tích cực tham gia, hỗ trợ thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn.

- Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ...) trong công tác tuyên truyền, vận động đối với nông dân tham gia sản xuất; xây dựng, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình nông dân, phụ nữ, thanh niên sản xuất giỏi trong thực hiện các nội dung của Đề án.

10. Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

- Tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Đề án.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện các hợp đồng liên kết giữa các nhà máy đường với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân để đảm bảo các bên thực hiện đúng các nội dung đã cam kết, kiên quyết xử lý đối với những trường hợp tranh mua, tranh bán gây bất ổn cho vùng nguyên liệu.

- Phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và nông dân trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn.

IV. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện

1. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện Đề án Thí điểm hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu mía đường tỉnh Nghệ An nhằm thực hiện mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu mía đường giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 là: **458.950** triệu đồng (*Bốn trăm năm mươi tám tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Nguồn vốn thực hiện

2.1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 392.425 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách trung ương: 375.725 triệu đồng, gồm:

+ Nguồn vốn đầu tư công trung hạn do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

+ Nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp; nguồn vốn từ Chương trình Khuyến nông trung ương; vốn lồng ghép thông qua các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020, Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và các nguồn vốn nhà nước hỗ trợ đầu tư khác theo quy định.

- Ngân sách địa phương: 16.700 triệu đồng, bố trí hàng năm thực hiện:

+ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025.

+ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2.2. Vốn đối ứng trực tiếp của doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân để thực hiện các hạng mục đầu tư: 66.525 triệu đồng.

(Chi tiết có các phức lục kèm theo)

V. Tổ chức thực hiện

1. Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cân đối, bố trí nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Khuyến nông trung ương, vốn lồng ghép thông qua các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (Quyết định số 1804/QĐ-TTg; Quyết định số 167/QĐ-TTg) và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định để thực hiện Đề án.

- Cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026 - 2030 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý để hỗ trợ các nội dung xây dựng hệ thống giao thông vùng nguyên liệu, thủy lợi theo Đề án này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn)

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳnh Hợp tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị liên quan: Xây dựng kế hoạch, tham mưu bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Khuyến nông trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định để thực hiện các nội dung của Đề án này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Đề án. Tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án và kiến nghị các giải pháp, chính sách để nhân rộng.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, các nội dung và cơ chế hỗ trợ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện Đề án (nếu có).

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan tham mưu bố trí nguồn vốn thực hiện Đề án thông qua các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn; vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững), từ các chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương kêu gọi, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực mía đường nhằm thực hiện Đề án hiệu quả.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung tại Đề án này trong khả năng cân đối ngân sách địa phương.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện Đề án; tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề liên quan lĩnh vực ngành của mình quản lý, giải quyết các vướng mắc (nếu có) để thực hiện Đề án có hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các hợp tác xã lập hồ sơ thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện các dự án xây dựng.

6. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan thực hiện các chính sách hỗ trợ các nhà máy đường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh.

- Phối hợp với Cục Quản lý thị trường và các đơn vị tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với mặt hàng đường cát nhập khẩu trên thị trường góp phần ngăn chặn tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong ngành mía đường.

7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ các và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển của hợp tác xã. Vận động hợp tác xã tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng và tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp.

- Phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn hợp tác xã hoạt động đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn; nhân rộng các

mô hình hợp tác xã làm ăn hiệu quả; tích cực tư vấn, hỗ trợ thành lập, phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu.

8. UBND các huyện Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ chuyển đổi số vùng nguyên liệu mía đường gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo chuỗi, ứng dụng quy trình sản xuất điện tử; tổ chức các lớp tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu trên địa bàn; tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo UBND các xã, các hợp tác xã vùng nguyên liệu bố trí giải phóng mặt bằng để thực hiện các nội dung về xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, thủy lợi; lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để thực hiện các nội dung của Đề án và tạo điều kiện về đất đai để các hợp tác xã xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Thực hiện tốt công tác vận động tuyên truyền thành lập mới các hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu và mở rộng thành viên các hợp tác xã đã có, thực hiện các mô hình khuyến nông, công tác đào tạo, tập huấn.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư, kết nối liên kết và tiêu thụ nông sản.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất đối với các công trình, dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất làm cơ sở thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai theo quy định.

- Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ để phát triển sản xuất mía nguyên liệu với cơ quan thường trực và cơ quan chủ trì thực hiện Đề án để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

9. Các doanh nghiệp chế biến mía đường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Bố trí nguồn vốn đối ứng, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện và các đơn vị liên quan để thực hiện các hạng mục đầu tư theo quy định.

- Ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ mía nguyên liệu với các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất mía trong vùng nguyên liệu. Nghiêm túc thực hiện đúng hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ. Chịu trách nhiệm về các hoạt động và tính pháp lý của các hợp đồng liên kết tiêu thụ đã ký.

- Chủ động đề xuất giải pháp, biện pháp, chiến lược để duy trì và phát triển bền vững chuỗi liên kết tiêu thụ mía nguyên liệu.

- Hỗ trợ các hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu mở rộng diện tích sản xuất, mở rộng quy mô thành viên, hộ liên kết và tập huấn các tiêu chuẩn, quy trình sản xuất mía chất lượng cao.

- Phối hợp thường xuyên cùng Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, UBND các xã liên quan và cơ quan chức năng trong thực hiện chuỗi liên kết và các nội dung thuộc Đề án này có liên quan đến đơn vị

- Thông báo và phối hợp với các cơ quan chức năng về những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng liên kết và đề xuất phương án xử lý tại chỗ; kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

10. Các hợp tác xã tham gia

- Bố trí nguồn vốn đối ứng, mặt bằng để thực hiện các hạng mục đầu tư theo quy định, triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và các hoạt động khác theo Đề án được duyệt. Sử dụng máy móc, thiết bị được hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo phát huy hiệu quả cao nhất nhằm hỗ trợ thành viên trong sản xuất mía nguyên liệu. Báo cáo, phản ánh kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ động kết nối với doanh nghiệp tham gia liên kết, đồng thời vận động thành viên và nông dân sản xuất đồng loạt, áp dụng hình thức mua chung bán chung tạo hiệu quả kinh tế, từng bước mở rộng chuỗi liên kết. Vận động tuyên truyền triển khai Đề án đến các hộ thành viên hợp tác xã, tập trung tổ chức sản xuất đúng quy hoạch, mùa vụ, giám sát kỹ thuật canh tác theo hướng an toàn, đạt chuẩn để phát triển vùng sản xuất mía nguyên liệu bền vững.

- Tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ số vào sản xuất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳnh Hợp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *B*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT;
- Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
- Văn phòng điều phối NTM TW;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- PCVP (KT) UBND tỉnh;
- Phòng NN UBND tỉnh;
- Lưu VT. NN (D. Hùng). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**Phụ lục I: Tổng hợp kinh phí thực hiện Nội dung Đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng hỗ trợ Hợp tác xã phát triển vùng
nguyên liệu mía**

(Kèm theo Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

Đvt: triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền					Địa điểm thực hiện	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách NN			Đối ứng		
						Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương			
I	GIAI ĐOẠN 2022-2025				131.500	131.500	131.500	0	0		
1	Tu sửa, nâng cấp, xây dựng đường giao thông nội đồng	Km	25	3.500	87.500	87.500	87.500	0	0	Huyện Nghĩa Đàn	Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý, vốn lồng ghép thông qua các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (Quyết định 1804/QĐ-TTg, Quyết định 167/QĐ-TTg); nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Xây dựng đập dâng, trạm biến áp, trạm bơm và kênh mương				36.000	36.000	36.000	0	0		
3	Xây dựng nhà kho cho hợp tác xã	HTX	4	2.000	8.000	8.000	8.000	0	0		
II	GIAI ĐOẠN 2026-2030				191.000	191.000	191.000	0	0		
1	Tu sửa, nâng cấp, xây dựng đường giao thông nội đồng	Km	40	3.500	140.000	140.000	140.000	0	0	Huyện Tân Kỳ, Quỳnh Hợp	
2	Xây dựng đập dâng, trạm bơm, kênh mương				45.000	45.000	45.000	0	0		
3	Xây dựng nhà kho cho hợp tác xã	HTX	3	2.000	6.000	6.000	6.000	0	0		
III	Tổng				322.500	322.500	322.500	0	0		

**Phụ lục II: Tổng hợp kinh phí thực hiện Nội dung Phát triển, củng cố, nâng cao năng lực cho các hợp tác xã và thành viên
trồng mía nguyên liệu gắn với đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị**
(Kèm theo Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

Dvt: triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền					Địa điểm thực hiện	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách NN			Đối ứng		
						Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương			
I	GIAI ĐOẠN 2022-2025				38.300	15.900	9.050	6.850	22.400		
1	Hỗ trợ tập huấn	Lớp	10	50	500	500	500	0	0	Huyện Nghĩa Đàn	Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hàng năm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg
2	Đào tạo nghề Giám đốc hợp tác xã	Lớp	1	150	150	150	150	0	0		
3	Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã	HTX	13	50	650	650	0	650	0		Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND
4	Hỗ trợ liên kết sản xuất	Dự án/Kế hoạch	2	12.000	24.000	12.000	8.400	3.600	12.000		Nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND
5	Hỗ trợ máy móc, thiết bị				13.000	2.600	0	2.600	10.400		Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND
5.1	Máy thu hoạch mía	Cái	2	4.500	9.000	1.800	0	1.800	7.200		
5.2	Máy phun thuốc	Cái	8	500	4.000	800	0	800	3.200		

✓

II	GIAI ĐOẠN 2026-2030				56.050	23.250	13.400	9.850	32.800		
1	Hỗ trợ tập huấn	Lớp	10	50	500	500	500	0	0	Huyện Tân Kỳ, Quỳ Hợp	Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hàng năm theo Quyết định 1804/QĐ-TTg
2	Đào tạo nghề Giám đốc hợp tác xã	Lớp	2	150	300	300	300	0	0		
3	Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã	HTX	15	50	750	750	0	750	0		Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND
4	Hỗ trợ liên kết sản xuất	Dự án/Kế hoạch	3	12.000	36.000	18.000	12.600	5.400	18.000		Nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND
5	Hỗ trợ máy móc, thiết bị				18.500	3.700	0	3.700	14.800		Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND
5.1	Máy thu hoạch mía	Cái	3	4500	13.500	2.700	0	2.700	10.800		
5.2	Máy phun thuốc	Cái	10	500	5.000	1.000	0	1.000	4.000		
III	TỔNG				94.350	39.150	22.450	16.700	55.200		

B

Phụ lục III: Tổng hợp kinh phí thực hiện Nội dung Khuyến nông và chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ cho các hợp tác xã, người dân trồng mía nguyên liệu tham gia liên kết

(Kèm theo Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

Đvt: triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền				Địa điểm thực hiện	Ghi chú		
					Tổng	Ngân sách NN					Đối ứng	
						Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương				
I	GIAI ĐOẠN 2022-2025				9.100	5.375	5.375	0	3.725			
1	Xây dựng mô hình khuyến nông	Mô hình	8	800	6.400	3.200	3.200	0	3.200	Huyện Nghĩa Đàn	Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ từ các nguồn vốn khuyến nông, nguồn vốn sự nghiệp từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định	
2	Tập huấn ngoài mô hình	Lớp	25	50	1.250	1.250	1.250	0	0			
3	Xây dựng tổ khuyến nông cộng đồng	Tổ	8	50	400	400	400	0	0			
4	Xây dựng mô hình nhân giống mía 3 cấp				1.050	525	525	0	525			
-	Xây dựng ruộng nhân giống cấp 1	Ha	1	350	350	175	175	0	175			
-	Xây dựng ruộng nhân giống cấp 2,3	Ha	5	140	700	350	350	0	350			
II	GIAI ĐOẠN 2026-2030				10.000	6.000	6.000	0	4.000			
1	Xây dựng mô hình khuyến nông	Mô hình	10	800	8.000	4.000	4.000	0	4.000	Huyện Tân Kỳ, Quỳnh Hợp		
2	Tập huấn ngoài mô hình	Lớp	30	50	1.500	1.500	1.500	0	0			
3	Xây dựng tổ khuyến nông cộng đồng	Tổ	10	50	500	500	500	0	0			
III	TỔNG				19.100	11.375	11.375	0	7.725			

13

Phụ lục IV: Tổng hợp kinh phí thực hiện Nội dung Hỗ trợ chuyển đổi số vùng nguyên liệu mía đường gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo chuỗi; ứng dụng quy trình sản xuất điện tử

(Kèm theo Quyết định số 4333 /QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

Đvt: triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền					Địa điểm thực hiện	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách NN			Đối ứng		
						Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương			
I	GIAI ĐOẠN 2022-2025				3.500	2.050	2.050	0	1.450		
1	Hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số trong quản lý vùng nguyên liệu cho nhà máy đường	DN	1	1.000	1.000	300	300	0	700	Công ty TNHH Mía đường Nghệ An	Nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước từ các nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp; nguồn vốn khuyến nông và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định
2	Đầu tư hệ thống máy móc, thiết bị,... cho các hợp tác xã, thành viên phục vụ chuyển đổi số	HTX	10	150	1.500	750	750	0	750	Huyện Nghĩa Đàn	
3	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ hợp tác xã, nông dân	Lớp	20	50	1.000	1.000	1.000	0	0		
II	GIAI ĐOẠN 2026-2030				4.500	2.350	2.350	0	2.150		
1	Hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số trong quản lý vùng nguyên liệu cho nhà máy đường	DN	2	1.000	2.000	600	600	0	1.400	Nhà máy đường Sông Lam, Sông Con	Huyện Quỳnh Hợp, Tân Kỳ
2	Đầu tư hệ thống máy móc, thiết bị,... cho các hợp tác xã, thành viên phục vụ chuyển đổi số	HTX	10	150	1.500	750	750	0	750		
3	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ hợp tác xã, nông dân	Lớp	20	50	1.000	1.000	1.000	0	0		
III	TỔNG				8.000	4.400	4.400	0	3.600		

Phụ lục V: Tổng hợp kinh phí thực hiện Nội dung Xây dựng trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện
 (Kèm theo Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

Đvt: triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền					Địa điểm thực hiện	Ghi chú
					Tổng	Ngân sách NN			Đối ứng		
						Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương			
1	Xây dựng Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện	Trung tâm	1	15.000	15.000	15.000	15.000	0	0	Huyện Nghĩa Đàn	Vốn đầu tư 13.500 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.500 triệu đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các nguồn vốn hợp pháp khác.
III	Tổng				15.000	15.000	15.000	0	0		

12

Phụ lục VI: Tổng kinh phí thực hiện Đề án Thí điểm hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu mía đường tỉnh Nghệ An nhằm thực hiện mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu mía đường giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

Đvt: triệu đồng

TT	Nội dung	Ngân sách nhà nước hỗ trợ					Vốn đối ứng của Doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân	Tổng kinh phí thực hiện Đề án
		Tổng	Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương		
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Tổng			
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng hỗ trợ Hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu mía	322.500	322.500	0	322.500	0	0	322.500
2	Phát triển, củng cố, nâng cao năng lực cho các hợp tác xã và thành viên trồng mía nguyên liệu gắn với đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị	39.150	0	22.450	22.450	16.700	55.200	94.350
3	Khuyến nông và chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ cho các hợp tác xã, người dân trồng mía nguyên liệu tham gia liên kết	11.375	0	11.375	11.375	0	7.725	19.100
4	Hỗ trợ chuyển đổi số vùng nguyên liệu mía đường gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo chuỗi; ứng dụng quy trình sản xuất điện tử	4.400	0	4.400	4.400	0	3.600	8.000
5	Xây dựng trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện	15.000	13.500	1.500	15.000	0	0	15.000
III	Tổng	392.425	336.000	39.725	375.725	16.700	66.525	458.950